


**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LƯƠNG SƠN**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ  
LĨNH VỰC BẢO HIỂM**

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	CB phụ trách NN	Phó Chủ tịch UBND	Chủ tịch UBND
Chữ ký			
Họ tên	Hà Vân Nga	Vũ Tuấn Giang	Dương Thị Lưu

### DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Tên TTHC	Mã số quy trình	Lần ban hành: Ngày ban hành:
1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QT.BH.01	Lần 1, 15/8/2022

 <b>ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LƯƠNG SƠN</b>	<b>QUY TRÌNH NỘI BỘ</b>
	<b>LĨNH VỰC BẢO HIỂM</b>
<i>HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ISO 9001:2015</i>	

### 1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự và cách thức thực hiện các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

### 2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức/cá nhân muốn thực hiện các TTHC tại Bộ phận TN&TKQ phường Lương Sơn, thành phố Sông Công.

- Áp dụng đối với cán bộ, công chức thuộc UBND phường Lương Sơn.

### 3. TỪ VIẾT TẮT

- UBND: Ủy ban nhân dân.
- TTHC: Thủ tục hành chính.
- Bộ phận TN&TKQ: Tiếp nhận và trả kết quả
- CCCM: Công chức chuyên môn
- QT.BH: Quy trình Bảo hiểm

### 4. NỘI DUNG QUY TRÌNH

Mã số quy trình	Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	- Tài liệu và căn cứ pháp lý - Thành phần, biểu mẫu hồ sơ - Số lượng hồ sơ	Thời gian giải quyết
QT.BH.01	Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì từ chối tiếp nhận, nêu rõ lý do, hướng dẫn bổ sung - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển lãnh đạo xử lý hồ sơ	Cán bộ phụ trách nông nghiệp địa bàn phường	<b>- Căn cứ:</b> Luật 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội; Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 18/04/2018; Quyết định số 3293/QĐ - UBND ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên  <b>- Thành phần hồ sơ:</b> 1. Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đối tượng được hỗ trợ 2. Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản 3. Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp đối với trường hợp đối tượng được hỗ trợ là tổ chức sản xuất nông nghiệp  <b>- Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.	01 ngày làm việc
	Bước 2	<b>Xem xét hồ sơ:</b> Ủy ban nhân dân cấp phường rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp thành phố.	Cán bộ phụ trách nông nghiệp địa bàn phường; Chủ tịch UBND phường		14 ngày làm việc
	Bước 3	<b>Thẩm định, xử lý hồ sơ:</b> Ủy ban nhân dân cấp thành phố thực hiện thẩm định, tổng hợp danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND thành phố		15 ngày làm việc
	Bước 4	<b>Phê duyệt</b> Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp. Quyết	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; UBND		10 ngày làm việc

		định này được gửi đến Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp thành phố và cấp phường có liên quan.	tỉnh		
	Bước 5	<b>Trả kết quả:</b> Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt đối tượng được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp phường thực hiện niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp phường, thông báo trên hệ thống thông tin, truyền thông của phường và sao gửi cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp yêu cầu.	Cán bộ phụ trách nông nghiệp địa bàn phường		05 ngày làm việc
	<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>				<b>45 ngày làm việc</b>

## 5. HỒ SƠ LƯU

- Lưu trữ, số hóa đầy đủ các thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ và kết quả xử lý, kết quả giải quyết TTHC theo quy định.
- Cập nhật đầy đủ thông tin trên phần mềm, vào sổ theo dõi, kiểm soát quá trình giải quyết TTHC theo các biểu mẫu quy định./.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XEM XÉT, PHÊ DUYỆT ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày      tháng      năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số      /QĐ-TTg ngày      tháng      năm 20... của Thủ tướng Chính phủ về....;

**Trường hợp cá nhân sản xuất nông nghiệp:**

- Tên cá nhân sản xuất nông nghiệp: [Tên đầy đủ]
- Ngày, tháng, năm sinh:
- CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: [...] do [Tên cơ quan cấp] ngày...tháng...năm...tại [Nơi cấp]
- Địa chỉ thường trú:

- Thuộc diện: ☐ Hộ nghèo      ☐ Hộ cận nghèo      ☐ Hộ khác

**Trường hợp tổ chức sản xuất nông nghiệp:**

- Tên tổ chức sản xuất nông nghiệp: [Tên đầy đủ]
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: [...] do [Tên cơ quan cấp] ngày...tháng...năm...
- Địa chỉ:
- Là tổ chức sản xuất nông nghiệp thuộc diện đối tượng tổ chức được hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày      tháng      năm 20... của Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ... rà soát, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chúng tôi là đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm theo Nghị định số      /2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, thủy sản....(Liệt kê đầy đủ)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...;

..., ngày.... tháng.... năm...

**Chủ hộ/Người đại diện tổ chức**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**BẢN KÊ KHAI**  
**VỀ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN**

Tên tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

STT	Loại cây trồng/ vật nuôi/thủy sản	Diện tích cây trồng	Số lượng vật nuôi	Diện tích nuôi trồng thủy sản
1				
2				
...				

**Người kê khai**